

Bản án số: **10/2021/HS-PT**
Ngày: 22/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Phúc ;

- Ông Lương Thanh Chín .

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, xét xử công khai, phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020, do Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Hoàng Kim K**, sinh năm 1999 tại B; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khu phố 05, phường Đức Nghĩa, TP P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn H (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); chồng con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 17/02/2020 bị Công an phường Phú Thủy ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “đánh nhau”. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố 08, phường Đức Nghĩa, Tp P, tỉnh B (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Trần Quang P, sinh năm 1993; nơi cư trú: khu phố 07, phường Đức Nghĩa, Tp P, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 13/3/2020, Nguyễn Hoàng Kim K điều khiển xe mô tô biển số 86C1-717.34 đi từ nhà thuộc khu phố 05, phường Đức Nghĩa, TP. P, tỉnh B đến chợ P thuộc khu phố 02, phường Đức Nghĩa, TP. P, tỉnh B. Sau khi đến chợ P, K để xe mô tô biển số 86C1-717.34 tại Cổng A chợ P để lên tầng trên chợ P gặp bà Lê Thị C (bà nội của K) để xin tiền. Sau khi xin được tiền, K đi xuống chỗ để xe của

K thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu SH 150 mang biển số 86C1-963.67 của bà Trần Thị Mỹ D đang dựng gần xe của K không có người trông coi, quan sát xe không khóa cổ nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. K đến gần chiếc xe mô tô, lén lút dắt chiếc xe nêu trên ra đường Trần Hưng Đạo để tìm người bẻ khóa, còn chiếc xe mô tô biển số 86C1-717.34, K vẫn để lại tại cổng A chợ P. Sau đó, K dắt xe mô tô biển số 86C1-963.67 đến tiệm mua bán xe máy Gia Hòa trên đường Trần Hưng Đạo để phá khóa nhưng do không mang đủ tiền nên K để xe lại tiệm Gia Hòa (không gửi xe cụ thể cho ai) và đi xe ôm đến nhà của Trần Quang P nhờ P đến tiệm Gia Hòa phụ K đẩy chiếc xe mô tô biển số 86C1-963.67 về nhà P để phá khóa, trên đường đi thì gặp P và P đồng ý giúp K. Khi đến tiệm Gia Hòa, K ngồi trên xe mô tô biển số 86C1-963.67 còn P điều khiển xe mô tô của P, P dùng chân đẩy chiếc xe mô tô biển số 86C1-963.67 về nhà P. Khi đến nhà P, P dùng tua vít pake để mở mặt nạ phía trước của xe mô tô biển số 86C1-963.67 ra để phá khóa. Quá trình gặp K và giúp K đẩy chiếc xe mô tô biển số 86C1-963.67 về nhà P để phá khóa, P có hỏi K là xe của ai thì K nói xe của K.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bà D phát hiện bị mất chiếc xe mô tô biển số 86C1-963.67 nên đến Công an phường Đức Nghĩa trình báo sự việc, trong khi bà D đang trình báo thì cháu Bùi Quang K (là con trai bà D) phát hiện chiếc xe mô tô nêu trên đang ở nhà của P nên đã gọi cho bà D. Bà D báo cho Công an phường biết và cùng đến nhà P thì phát hiện P và K đang dùng tua vít để phá khóa xe, sau đó đưa P, K và tang vật về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe máy biển số 86C1-963.67, nhãn hiệu HONDA loại SH150, số máy KF42E1009551, số khung 4216LY000689, màu xe: trắng, đen;
- 01 xe máy biển số 86C1-717.34, nhãn hiệu SUZUKI, số máy E467D2R22656, số khung H2F8J0002517, màu xe: màu đen;
- 01 cây vít pake 2 đầu, bằng sắt, dài 25cm trên cây vít pake có bao bọc bằng keo màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 20/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP. P kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA SH150, biển số 86C1-963.67; số máy: KF42E1009551; số khung: 4216LY000689. Trị giá tài sản: 106.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an TP. P đã xử lý vật chứng, trả lại 01 xe máy biển số 86C1-963.67 cho bà Trần Thị Mỹ D, trả lại 01 xe máy biển số 86C1-717.34 cho Nguyễn Hoàng Kim K và trả lại 01 cây vít pake 2 đầu, bằng sắt, dài 25cm trên cây vít pake có bao bọc bằng keo màu đen cho Trần Quang P. Sau khi nhận lại tài sản bà D và ông P không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hoàng Kim K, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Nguyễn Hoàng Kim K 03 năm 06 tháng (*ba năm sáu tháng*) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, bị cáo Nguyễn Hoàng Kim K kháng cáo xin giảm

nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi, trả lại nguyên vẹn cho người bị hại; cả cha lẫn mẹ đều chết sớm nên bị cáo thiếu sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục từ gia đình và người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nặng. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù; bị cáo có nhân thân xấu nên không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng gần 14 giờ ngày 13/3/2020 tại Cổng A chợ P thuộc khu phố 02, phường Đức Nghĩa, Tp P, tỉnh B, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Hoàng Kim K đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại SH150 mang biển số 86C1-963.67 trị giá 106.200.000 đồng của bà Trần Thị Mỹ D. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và chỉ nhất thời phạm tội (khi thấy chiếc xe đẹp không có người trông coi thì lấy về để sử dụng) và sau khi bị phát hiện, tài sản đã được thu hồi, trả lại nguyên vẹn cho người bị hại.

Trước khi mở phiên tòa, người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Bên cạnh đó, do cả cha lẫn mẹ đều chết sớm nên bị cáo thiếu sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục từ gia đình. Đây là những tình tiết mới cần áp dụng để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là phụ nữ chưa lập gia đình, có hoàn cảnh éo le không còn cha mẹ, không có anh chị em ruột... Tuy nhiên, tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn, bị cáo đã bị xử lý hành chính nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù.

Do vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt nhưng không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Kim K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P.

2. Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hoàng Kim K, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Hoàng Kim K 02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Kim K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố P không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- VKS, CA, TA, THA TP. P;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 - Công an tin B;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Việt Minh

